



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 6
CÁNH DIỀU

HÀ NỘI – 2021

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 – PHẦN ĐỊA LÍ
CÁNH DIỀU**

HÀ NỘI – 2021

MỤC LỤC

	Trang
A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	3
1. Giới thiệu về Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở	3
1.1. Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở	3
1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở học sinh khi học Địa lí	4
2. Giới thiệu chung về sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6 – bộ sách Cánh Diều	7
2.1. Một số thông tin chung	7
2.2. Cấu trúc sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6	7
2.3. Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6	8
3. Giới thiệu về sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6 – phần Địa lí	9
3.1. Quan điểm tiếp cận	9
3.2. Điểm mới của phần Địa lí 6	12
3.3. Khung phân phối chương trình phần Địa lí 6	15
3.4. Yêu cầu về phương pháp dạy học	18
3.5. Vấn đề đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học phần Địa lí 6	24
4. Giới thiệu chung về hệ thống tài liệu tham khảo hỗ trợ	25
B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ	26
C. GỢI Ý BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ (đề kiểm tra giữa học kì II)	31



A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.1. Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) năm 2018, môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở là môn học bắt buộc, được dạy ở tất cả các lớp 6, 7, 8 và 9. Là môn học bắt buộc nhưng giáo viên (GV) cần làm sao không “bắt buộc” học sinh (HS) phải học, mà phải làm cho các em hào hứng, say mê học tập để mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

Môn học gồm các nội dung giáo dục lịch sử, địa lí và một số chủ đề liên môn, đồng thời lồng ghép, tích hợp kiến thức ở mức độ đơn giản về kinh tế, văn hoá, khoa học, tôn giáo,... Một số chủ đề chung là: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông; Đô thị – lịch sử và hiện tại; Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; Các cuộc đại phát kiến địa lí;... Các chủ đề chung này xuất hiện trong chương trình môn học lớp 7, 8 và 9, nhưng không bố trí trong chương trình lớp 6.

Môn Lịch sử và Địa lí có nhiệm vụ cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực chung, đồng thời hình thành và phát triển ở HS năng lực lịch sử và năng lực địa lí – biểu hiện đặc thù của năng lực khoa học.

Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí còn thể hiện ở các tính chất đặc trưng của chương trình. Đó là tính dân tộc, tính nhân văn; tính hệ thống, tính cơ bản; tính khoa học và tính hiện đại; tính thực hành; tính mở và tính liên thông.

Mạch nội dung của phần Địa lí trong Chương trình GDPT năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí được phân bổ theo lớp như sau:

- Lớp 6: Địa lí tự nhiên đại cương.
- Lớp 7: Địa lí các châu lục.
- Lớp 8: Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Lớp 9: Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam.

1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở học sinh khi học Địa lí

Do trong Chương trình GDPT năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí có hai mạch nội dung rõ ràng là lịch sử và địa lí nên trong các phần này trở về sau, Phần Địa lí được gọi tắt là Địa lí, gắn với các lớp hay toàn cấp học. Ngay trong các chủ đề chung, cũng có các phần mà trách nhiệm dạy học thuộc về GV Địa lí, có những phần mà trách nhiệm dạy học thuộc về GV Lịch sử. Việc tích hợp thể hiện ở cấu tạo chủ đề chung và cách phát triển tư duy, năng lực cho HS. Điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công dạy học và bố trí nhân sự ở các nhà trường.

1.2.1. Các phẩm chất và năng lực được xác định trong Chương trình tổng thể

Trong Chương trình tổng thể đã xác định:

- Các phẩm chất chủ yếu là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Các năng lực chung là năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Các năng lực đặc thù được hình thành, phát triển thông qua môn học và hoạt động học tập.

HS khi học Địa lí, sẽ hình thành năng lực địa lí. Năng lực địa lí gồm có ba thành phần năng lực là năng lực nhận thức khoa học địa lí, năng lực tìm hiểu địa lí và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

– Năng lực nhận thức khoa học địa lí bao gồm các biểu hiện cụ thể như nhận thức thế giới theo quan điểm không gian và giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội).

– Năng lực tìm hiểu địa lí bao gồm các biểu hiện cụ thể như sử dụng các công cụ của Địa lí học và tổ chức học tập ở thực địa, khai thác internet phục vụ môn học.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Trong quá trình học tập, HS học được cách vận dụng kiến thức thực tế để bổ sung, làm sáng rõ kiến thức địa lí; đồng thời vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào nhận thức hoặc nghiên cứu một chủ đề vừa sức trong thực tiễn.

1.2.2. Mô tả chi tiết năng lực địa lí

Bảng mô tả năng lực địa lí ở cấp Trung học cơ sở

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
Nhận thức khoa học địa lí	<i>Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian</i> – Định hướng không gian: biết sử dụng các phương tiện khác nhau, đặc biệt là địa bàn để xác định chính xác phương hướng; biết xác định vị trí địa lí của một địa điểm và phương hướng trên bản đồ; biết phân tích phạm vi, quy mô của một lãnh thổ.

	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích vị trí địa lí: biết phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các quá trình tự nhiên và kinh tế – xã hội. – Phân tích sự phân bố: mô tả được đặc điểm phân bố của đối tượng, hiện tượng địa lí. – Diễn đạt nhận thức không gian: sử dụng được lược đồ trí nhớ để mô tả nhận thức về không gian; sử dụng được lược đồ để diễn tả mối quan hệ không gian giữa các hiện tượng, sự vật địa lí; mô tả được một địa phương với các dấu hiệu đặc trưng về tự nhiên, dân cư và kinh tế. Từ đó, hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt địa phương này với địa phương khác.
	<p><i>Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên: <ul style="list-style-type: none"> + Mô tả được một số hiện tượng và quá trình địa lí trên Trái Đất; mô tả được sự phân hoá của thiên nhiên các châu lục; mô tả được các đặc điểm chủ yếu của thiên nhiên Việt Nam; giải thích được một số nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá thiên nhiên Việt Nam. + Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình tự nhiên. + Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả trong mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên trong một số tình huống. – Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong kinh tế – xã hội: <ul style="list-style-type: none"> + Mô tả được sự phân hoá không gian của các hiện tượng dân cư, quần cư, kinh tế, văn hoá; giải thích được một số nhân tố tác động tới sự phân hoá đó qua một ví dụ cụ thể. + Tìm được các minh chứng về mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong sự phát triển, phân bố dân cư và các ngành kinh tế. + Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình kinh tế – xã hội. + Nhận biết và vận dụng được một số tình huống phân tích quan hệ nhân quả trong đời sống kinh tế – xã hội. – Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất: <ul style="list-style-type: none"> + Phân tích được tác động của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục.

	<p>+ Đánh giá được tác động của các điều kiện tự nhiên, cơ sở tài nguyên đến sự phân bố dân cư, sự phát triển các ngành kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế thông qua ví dụ cụ thể về địa lí Việt Nam.</p> <p>– Phân tích tác động của xã hội loài người lên môi trường tự nhiên:</p> <p>+ Phân tích được cách thức mà con người ở các châu lục, ở các vùng miền của nước ta đã khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.</p>
<p>Tìm hiểu địa lí</p>	<p>Sử dụng các công cụ của Địa lí học</p> <p>– Khai thác tài liệu văn bản: tìm được nội dung địa lí trong một đoạn văn; biết đặt tiêu đề, chú thích cho một bức ảnh, tranh vẽ từ góc nhìn địa lí; biết tìm kiếm tài liệu địa lí phục vụ cho một bài tập dự án về địa lí địa phương hay một chủ đề về địa lí Việt Nam.</p> <p>– Sử dụng bản đồ: nêu được các yếu tố bản đồ; biết đọc bản đồ tỉ lệ nhỏ về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế để rút ra các thông tin, tri thức cần thiết; biết sử dụng tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm; biết đọc lát cắt địa hình.</p> <p>– Tính toán, thống kê: kê được tên một số đại lượng đo các hiện tượng, quá trình tự nhiên; vận dụng được một số chỉ tiêu về gia tăng dân số, phân bố dân cư và một số chỉ tiêu đo sự phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế.</p> <p>– Phân tích biểu đồ, sơ đồ: biết đọc biểu đồ khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa); biết đọc các dạng biểu đồ thông dụng trong phân tích động thái, cơ cấu, quy mô và đặc điểm phân bố của hiện tượng và đối tượng địa lí; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình đơn giản.</p>
	<p>Tổ chức học tập ở thực địa</p> <p>Biết chuẩn bị điều kiện cần thiết trước khi thực hiện khảo sát thực địa; biết sử dụng một số công cụ đơn giản và thông dụng để thực hiện quan sát, quan trắc ngoài thực địa; biết ghi chép nhật kí thực địa; biết viết thu hoạch sau một ngày thực địa.</p>
	<p>Khai thác internet phục vụ môn học</p> <p>Biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế – xã hội từ những trang web được GV giới thiệu; biết xác định các từ khoá trong tìm kiếm thông tin theo chủ đề; biết đánh giá thông tin tiếp cận được; có kĩ năng tải xuống các tài liệu media và lưu giữ tài liệu làm hồ sơ cho một bài tập được giao.</p>

Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học	<p><i>Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế</i></p> <p>Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí.</p>
	<p><i>Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tế</i></p> <p>Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng về một chủ đề học tập khám phá từ thực tế; có khả năng trình bày kết quả một bài tập dự án của cá nhân hay của nhóm.</p>

2. Giới thiệu chung về sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6 – bộ sách Cánh Diều

2.1. Một số thông tin chung

– Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6 – Cánh Diều đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 718/QĐ-BGDĐT ngày 09/2/2021.

– Mục đích biên soạn: cung cấp một tài liệu học tập, công cụ học tập chính thức, toàn diện và hiệu quả cho HS, đồng thời là tài liệu cho GV khai thác để tổ chức các hoạt động dạy học và vận dụng các phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và NL của HS.

– Đối tượng sử dụng: HS lớp 6, các GV dạy Lịch sử và Địa lí ở cấp THCS, các cán bộ quản lí giáo dục, các phụ huynh HS.

– Phạm vi sử dụng: trong giờ học trên lớp và cả các hoạt động thực hành, vận dụng ngoài giờ lên lớp.

– Tổng số trang: 204 trang.

– Khổ sách: 19 x 26,5.

– Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

2.2. Cấu trúc sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6

Sách có **Hướng dẫn sử dụng sách** giúp HS nắm được các kí hiệu sử dụng trong sách.

Sách có **Lời nói đầu**, hướng tới bạn đọc là các em HS.

Sách được cấu trúc thành các **chương, bài**. Mỗi chương tương ứng với một chủ đề lớn, phù hợp với các chủ đề đã được xác định trong nội dung Chương trình GDPT năm 2018. Mỗi chủ đề được cấu tạo gồm một số bài học, các bài được thiết kế linh động, có bài 1 tiết và một số bài thiết kế với thời lượng 2 – 3 tiết/bài. Phần Lịch sử có 7 chương, 19 bài; phần Địa lí có 7 chương, 26 bài.

Ngoài phần các chương, bài, cuốn sách còn có Bảng giải thích thuật ngữ và Bảng tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài.

Bảng giải thích thuật ngữ giúp HS giải thích các thuật ngữ và một số từ khoá quan trọng có trong sách.


Bảng tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài: Địa danh là một phần quan trọng trong kiến thức cơ bản của Lịch sử, Địa lí. Một vấn đề mà nội dung sách đặt ra là HS phải đọc được các địa danh đó. Để giúp cho HS tiện tra cứu các tài liệu tham khảo khác, bảng tra cứu gồm các cột: tên phiên âm (như trong sách giáo khoa), tên tiếng Anh (như trong các từ điển địa danh, từ điển Wiki) và trang số địa danh xuất hiện.


2.3. Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6


Mỗi bài học đều có:


– **Tên bài** gồm số thứ tự và tên bài. Ví dụ: *Bài 2. Thời gian trong lịch sử; Bài 5. Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Hình dạng và kích thước của Trái Đất.*

– **Yêu cầu cần đạt** viết dưới dạng “Học xong bài này, em sẽ...” bám sát với yêu cầu cần đạt đã được gợi ý trong chương trình, theo quan điểm phát triển phẩm chất và NL của HS, thiết kế rõ nhìn, bố trí ngay dưới tên bài.

– **Mở đầu:** (kí hiệu ) , thiết kế chữ không chân. Phần này có ý nghĩa là để khởi động, được viết khá ngắn gọn, lôi cuốn HS và cũng đa dạng tùy theo bài.


– **Kiến thức mới:** (kí hiệu ) , bao gồm phần chính văn, trình bày những nội dung cốt lõi của bài. Phần chữ được in bằng font Times New Roman, màu đen và các câu hỏi xác định



kiến thức cơ bản của nội dung bài học được kí hiệu bằng  . Những nội dung mở rộng được đưa vào các ô, hộp, khung phù hợp, đó là:

+ Ô “**Em có biết?**” (kí hiệu ) , để mở rộng hiểu biết về một hiện tượng, đối tượng lịch sử hoặc địa lí nào đó được nói đến trong bài hoặc liên hệ thực tế.

+ Ô “**Góc khám phá**” (kí hiệu ) , khám phá tri thức liên quan đến nội dung của bài.

Phần Kiến thức mới có kênh hình đa dạng, phong phú bên cạnh kênh chữ, bao gồm bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh minh họa. Các hình đều được đánh số theo bài. Ví dụ, ở bài 5 sẽ có các hình 5.1, 5.2,...

– **Luyện tập và vận dụng** (kí hiệu ) , trong đó được tách ra thành các câu hỏi mức độ

Luyện tập (kí hiệu ) và các câu hỏi mức độ Vận dụng (kí hiệu ) : Phần này được đặt ở cuối bài.

3. Giới thiệu về sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6 – phần Địa lí

3.1. Quan điểm tiếp cận

3.1.1. Các bài học được xây dựng theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh

Về phát triển phẩm chất cho HS: phần Địa lí 6 liên quan đến địa lí tự nhiên đại cương, nhưng trong những bài cụ thể, có sử dụng các tư liệu và tình huống gắn với Việt Nam hay những địa phương của Việt Nam (ví dụ: trong các nội dung liên quan đến phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, liên quan đến cách con người sử dụng các quy luật tự nhiên để cải tạo tự nhiên và chung sống hoà hợp với thiên nhiên). Những cách tiếp cận này giúp HS có cảm xúc tích cực, phát triển phẩm chất yêu nước và nhân ái. Các lược đồ thế giới, tuy kích thước trong sách giáo khoa là nhỏ, nhưng đều có thể hiện ở mức độ có thể nhận biết được đảo Phú Quốc, quần đảo Côn Sơn, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, nhắc nhở HS và những người sử dụng sách về chủ quyền lãnh thổ Quốc gia.

Các tình huống học tập được xây dựng trong các bài học luôn khuyến khích HS chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. GV có thể xây dựng các tình huống học tập khám phá, hoạt động nhóm, thông qua đó đánh giá được các phẩm chất này của HS.

Về phát triển các năng lực chung: Mỗi bài học có đưa ra các bài tập, các tình huống đòi hỏi HS phải có năng lực tự chủ và tự học (ví dụ: HS cần chuẩn bị trước tài liệu học tập ở nhà, cần tự mình tìm kiếm thông tin trên internet, cần đưa ra ý kiến riêng về một hiện tượng nào đó). Các bài học Địa lí 6 khuyến khích GV thay đổi các hình thức tổ chức dạy học cả trên lớp và ngoài giờ lên lớp, từ đó có cơ hội để HS thể hiện và phát triển, đồng thời GV có điều kiện quan sát và đánh giá các năng lực chung khác như năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Về các năng lực đặc thù địa lí: Việc phát triển các năng lực đặc thù địa lí là định hướng trung tâm, tạo ra điểm mới và điểm nhấn trong phần Địa lí 6. Các năng lực được hình thành theo lộ trình, được quan tâm nhất quán trong các bài. Học sinh được thử thách qua các tình huống học tập đa dạng, từ đó nắm vững kiến thức, kĩ năng, phát triển năng lực, hoàn thiện thái độ và hành vi.

– Năng lực nhận thức khoa học địa lí

Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian được hình thành cơ sở khi học sinh học xong chương 1, nhưng tiếp tục được phát triển và củng cố trong tất cả các bài học ở các chương sau đó. Trong phần Địa lí 6 có nhiều bản đồ, lược đồ, với nhiều câu hỏi nhận thức Cái gì? Ở đâu? Như thế nào? mà học sinh tìm câu trả lời khi đọc và khai thác thông tin từ các bản đồ, lược đồ.

Năng lực giải thích các hiện tượng tự nhiên và kinh tế – xã hội được phát triển trong khi học sinh khai thác các nguồn thông tin khác nhau trong sách giáo khoa, cả kênh chữ, kênh hình.

Trong phần lớn các trường hợp, học sinh chỉ khai thác một lược đồ trong bài đang học, tuy nhiên, trong phần Luyện tập và vận dụng hoặc trong tiết Thực hành, có những tình huống yêu cầu học sinh đọc và đối chiếu hai bản đồ/lược đồ khác nhau để giải thích mối quan hệ giữa hai hiện tượng, để trả lời câu hỏi Tại sao?, một câu hỏi lí thú, luôn kích thích trí tò mò,

ham hiểu biết của học sinh. Ví dụ, đọc và đối chiếu hai lược đồ sử dụng hai phép chiếu bản đồ khác nhau để đưa ra kết luận sử dụng phép chiếu nào chính xác hơn khi thể hiện toàn bộ bề mặt Trái Đất lên bản đồ.

Trong sách cũng có nhiều tình huống yêu cầu học sinh sơ đồ hoá, lập sơ đồ tư duy (mind-map),...

– *Năng lực tìm hiểu địa lí*

Nhiều tình huống khác nhau đã được tổ chức trong các bài học:

+ Đọc hiểu văn bản, rồi phát biểu lại thành một định nghĩa khái niệm; tìm ra ý cốt lõi trong thông điệp của văn bản; thay thế từ;...

+ Bình luận một bức ảnh/tranh vẽ từ góc độ địa lí.

+ Làm việc với bản đồ thông dụng. Khai thác thông tin từ các bản đồ (lược đồ) chuyên đề trong sách giáo khoa.

+ Thực hành phân tích biểu đồ, bảng số liệu.

+ Thực hành vẽ sơ đồ thể hiện quan hệ cấu trúc của hiện tượng, mối quan hệ giữa các đối tượng, hiện tượng.

– *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học*

Trong các bài học đều có các tình huống đòi hỏi học sinh vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào những tình huống tương tự hoặc tình huống mới. Ví dụ, trong bài về *Khí quyển* có hình về *Sơ đồ các tầng của khí quyển và các vật thể ở độ cao tương ứng*, câu hỏi đưa ra là “*Hãy tìm kiếm thông tin trên internet với câu hỏi: “Tại sao máy bay thương mại thường bay ở độ cao trên 10 000 m?” và tìm hai lí do liên quan đến đặc điểm khí quyển để trả lời cho câu hỏi này.*”

Khi xây dựng các tình huống để phát triển năng lực cho học sinh, các tác giả cố gắng làm cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, trình độ tư duy của học sinh lớp 6.

3.1.2. Nội dung các bài học tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập

a) *Các bài học tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học dựa trên cơ sở:*

– Mỗi chương dành cho một chủ đề và các bài học trong chương được phân bổ nội dung logic, lượng kiến thức mới vừa phải, để GV có thời gian thực hiện và thay đổi các phương pháp và hình thức dạy học.

– Tư liệu học tập phong phú, được lựa chọn và biên soạn có ý đồ về mặt phương pháp dạy học. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa kênh chữ và kênh hình.

– Trong bài có các gợi ý về câu hỏi, tình huống học tập, có liên quan hay phát triển từ các tư liệu học tập có trong bài hoặc có liên quan đến việc “móc nối” kiến thức ở bài trước.

GV hoàn toàn có thể dựa trên các học liệu và các tình huống được gợi ý trong Địa lí 6 để thay đổi phương pháp và hình thức dạy học nhằm nâng cao hiệu quả dạy học và phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

b) Các bài học trong Địa lí 6 khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập dựa trên cơ sở:

– Nội dung SGK được tổ chức để học sinh dễ dàng tiếp nhận văn bản và văn phong sáng rõ, thân thiện với học sinh.

– Nội dung bài học với các bài tập có tính tình huống luôn khuyến khích học sinh đi từ cái đã biết đến khám phá cái chưa biết, vận dụng kiến thức đã học vào các trường hợp tương tự, tăng cường suy luận và giải thích.

– Nội dung các hoạt động học tập khuyến khích học sinh tự tìm kiếm thông tin (ví dụ, có các gợi ý tìm kiếm thông tin trên internet, tìm dẫn chứng từ cuộc sống tại địa phương).

– Nội dung bài học cân đối giữa kiến thức sự kiện (về các đối tượng, hiện tượng địa lí cụ thể) và kiến thức lí thuyết. Có các nội dung mở rộng để học sinh chủ động trong học tập và có kiến thức cơ bản tốt để học tập sáng tạo.

3.1.3. Các bài học chú trọng tích hợp, thực hành và vận dụng

Phần Địa lí 6 chú trọng tích hợp, thực hành, gắn nội dung bài học với thực tiễn nhằm rèn luyện cho HS kĩ năng vận dụng kiến thức địa lí vào việc tìm hiểu và giải quyết ở mức độ nhất định một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống.

Trong các bài học Địa lí 6, tính tích hợp được thể hiện ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau:

– Tích hợp nội môn là nổi bật, để học sinh hiểu được sự tác động qua lại giữa các địa quyển, giữa thiên nhiên và con người, ở quy mô toàn cầu cũng như ở quy mô địa phương.

– Tích hợp lịch sử – địa lí: Trong các bài học, ở các nội dung cụ thể có thêm các kiến thức lịch sử, để học sinh mở rộng thêm hiểu biết, và có ý thức về việc liên hệ giữa lịch sử và địa lí. Ví dụ: *Tại sao phải làm đài quan sát trên các đảo ven bờ, các con tàu không số và con đường Hồ Chí Minh trên biển,...*

– Kết hợp giáo dục các vấn đề xuyên môn: lồng ghép các nội dung liên quan (giáo dục môi trường, giáo dục phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu, giáo dục dân số,...) vào nội dung địa lí; vận dụng kiến thức các môn học khác (Giáo dục công dân, Toán, Khoa học tự nhiên, Lịch sử,...) trong việc làm sáng rõ các kiến thức địa lí.

Xác định thực hành, luyện tập, vận dụng là những nội dung quan trọng, đồng thời là công cụ thiết thực, hiệu quả để phát triển năng lực cho HS. Nội dung này chú trọng việc vận dụng kiến thức địa lí vào thực tiễn nhằm góp phần phát triển các năng lực đặc thù. Điều này được thể hiện mỗi chương trong phần Địa lí 6 đều có bài Thực hành (bài 4, 8, 12, 16, 20, 23, 26). Mỗi bài đều có các tình huống vận dụng kiến thức vào đời sống thực tiễn, cả trong nội dung học tập kiến thức mới, cả trong phần luyện tập và vận dụng.

3.1.4. Các bài học thể hiện rõ yêu cầu dạy học phân hoá và phù hợp với vùng miền

Trong phần Địa lí 6, yêu cầu về dạy học phân hoá và phù hợp với vùng miền được thể hiện rõ các khía cạnh sau:

– Cấu trúc trình bày bài học trong sách thể hiện rõ những nội dung cốt lõi mà các học sinh cần học và các phần mở rộng, vận dụng.

– Phần Địa lí 6 rất phong phú về kênh hình, điều này cũng đáp ứng cho thực tế về sự đa trí tuệ, đa phong cách học tập của học sinh.

– Các tình huống học tập có thể được xây dựng từ các trường hợp tương đương, tùy theo hoàn cảnh địa phương. Ví dụ: Trong bài tập thực hành về tìm đường, đo khoảng cách giữa hai địa điểm, HS có thể sử dụng bất kì bản đồ du lịch nào đó để thực hiện các nhiệm vụ của bài thực hành. Hoặc *Bài 26. Thực hành: Tìm hiểu tác động của con người lên môi trường tự nhiên trong sản xuất gắn với địa phương*, HS sẽ được thực hành tìm hiểu về những tác động của con người lên môi trường tự nhiên ngay tại địa phương HS cư trú.

3.2. Điểm mới của phần Địa lí 6

3.2.1. Cấu trúc các tuyến kiến thức thể hiện rõ những nội dung cốt lõi mà học sinh cần học và các phần mở rộng, vận dụng

Để tạo thuận lợi cho GV tổ chức hoạt động học tập, các bài học trong phần Địa lí 6 được cấu trúc theo 2 tuyến: tuyến chính và tuyến phụ. Tuyến chính là các nội dung cốt lõi, đảm bảo để HS đạt được các yêu cầu của từng nội dung giáo dục, được cấu trúc gồm: tên bài học, yêu cầu cần đạt, khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng. Tuyến phụ là ô “Em có biết?” “Góc khám phá” nhằm trang bị thêm cho HS nhiều nguồn học liệu liên quan đến bài học, mở rộng và nâng cao kiến thức.

The diagram illustrates the layout of a lesson page for 'Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu'. It identifies key components:

- TÊN BÀI**: Bài 15. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
- YÊU CẦU CẦN ĐẠT**: Learning objectives at the top right.
- GÓC KHÁM PHÁ**: A section for exploration with a diagram of Earth's atmosphere.
- MỞ ĐẦU**: An introductory text block.
- KIẾN THỨC MỚI**: The main content area, including a section on 'Biến đổi khí hậu' (Climate Change) with a diagram of greenhouse gases.
- EM CÓ BIẾT?**: A 'Did you know?' section at the bottom left.
- CÂU HỎI**: A 'Questions' section on the right side.
- LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**: A 'Practice and Application' section at the bottom right.

3.2.2. Các kiểu bài học trong phần Địa lí 6

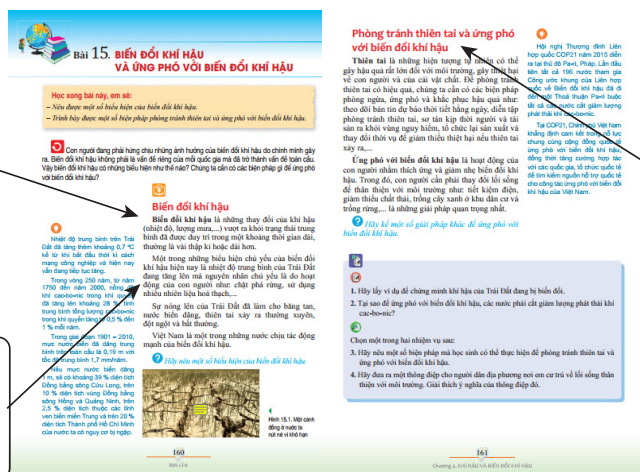
Trong phần Địa lí 6, có hai kiểu bài học chính là: kiểu bài hình thành kiến thức mới và kiểu bài thực hành.

– **Kiểu bài học hình thành kiến thức mới**: giúp HS đạt được các yêu cầu cần đạt về kiến thức để phân phát triển năng lực, đặc biệt là năng lực nhận thức khoa học Địa lí. Kiểu bài học này bao gồm những hoạt động chính sau:

+ **Hoạt động hình thành biểu tượng địa lí:** là hoạt động giúp HS tạo ra những hình ảnh về sự vật, hiện tượng địa lí. Các hình ảnh này được lưu trữ trong kí ức của HS, có khả năng tái tạo theo ý muốn. Biểu tượng địa lí là cơ sở để hình thành khái niệm địa lí. Biểu tượng địa lí càng rõ thì HS lĩnh hội khái niệm càng chắc chắn. Ví dụ: Trái Đất hình cầu, đồng bằng bằng phẳng,...

+ **Hoạt động hình thành khái niệm địa lí:** là hoạt động giúp HS nhận biết bản chất của sự vật, hiện tượng địa lí thông qua các thao tác tư duy (so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hoá, trừu tượng hoá,...). Trong dạy học Địa lí, khái niệm được chia làm ba loại cụ thể sau: khái niệm địa lí chung, khái niệm địa lí riêng và khái niệm địa lí tập hợp. Địa lí 6 chủ yếu là hình thành cho HS các khái niệm địa lí chung, đó là những khái niệm được hình thành để chỉ toàn bộ các sự vật và hiện tượng địa lí đồng nhất, có những thuộc tính giống nhau như: núi, đồng bằng, cao nguyên, sông,...

+ **Hoạt động hình thành các mối quan hệ địa lí:** Khoa học địa lí chủ yếu nghiên cứu các mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng địa lí về mặt không gian, vì vậy hầu hết các kiến thức địa lí được giảng dạy trong nhà trường phổ thông chủ yếu là các mối liên hệ địa lí. Theo các nhà nghiên cứu, mối liên hệ địa lí có thể chia làm hai loại: mối liên hệ địa lí thông thường và mối liên hệ địa lí nhân quả. Trong quá trình nhận thức, nếu HS không nhận thức được đúng các mối liên hệ địa lí thì sẽ dẫn đến việc giải thích sai các hiện tượng địa lí và có ứng xử, hành động không phù hợp với môi trường tự nhiên – xã hội. Ví dụ như mối liên hệ giữa các thành phần tự nhiên với nhau (khí áp với gió,...), giữa các yếu tố tự nhiên với các yếu tố kinh tế – xã hội (tự nhiên với phân bố dân cư, tự nhiên với các hoạt động sản xuất của con người,...).



Khái niệm về biến đổi khí hậu.

Mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu với các đối tượng tự nhiên khác.

Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên thông qua việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ví dụ minh họa về hoạt động hình thành các mối quan hệ địa lí trong SGK phần Địa lí 6

+ **Hoạt động nhận thức các quy luật địa lí:** là những hoạt động giúp HS khái quát hoá biểu hiện các mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng và quá trình địa lí có bản chất cố định, không thay đổi trong những điều kiện nhất định, mỗi khi lặp lại. Ở Địa lí 6, HS được tìm hiểu ở mức độ đơn giản về các quy luật địa lí như: nhiệt độ thay đổi theo vĩ tuyến, nhiệt độ thay đổi theo độ cao, nhiệt độ Trái Đất tăng sẽ làm thay đổi các yếu tố tự nhiên khác,...

+ **Hoạt động nhận thức về các phương pháp học tập, nghiên cứu địa lí:** loại kiến thức này vừa là nội dung địa lí, vừa là công cụ để học tập địa lí. Ví dụ: Kiến thức về sử dụng bản đồ, vừa là kiến thức cần phải có trong môn Địa lí, vừa là phương tiện để tìm tòi, khám phá các

kiến thức địa lí. Đây là cơ sở để xác định việc sử dụng công cụ địa lí học là một năng lực quan trọng của môn Địa lí.

Ví dụ minh họa về hoạt động nhận thức các phương pháp học tập và nghiên cứu địa lí trong SGK phần Địa lí 6

– **Kiểu bài học thực hành:** giúp HS vận dụng tri thức địa lí đã học vào thực tiễn học tập và đời sống. Kiểu bài học này góp phần đặc lực vào việc hình thành, phát triển cho HS các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) và các năng lực địa lí (tìm hiểu địa lí, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học).

Các bài thực hành trong Địa lí 6 không chỉ tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết mà còn góp phần mở rộng hiểu biết về không gian học tập địa lí cho HS. Có 2 dạng bài thực hành được thể hiện trong SGK Địa lí 6, đó là: thực hành với các công cụ địa lí và thực hành khảo sát, viết báo cáo. Cụ thể là:

+ *Kiểu bài thực hành với các công cụ địa lí (bản đồ, lược đồ, biểu đồ, la bàn,...):* với mục đích rèn luyện cho HS kỹ năng sử dụng công cụ địa lí để khám phá, khai thác và chiếm lĩnh tri thức từ các phương tiện dạy học địa lí.

Các bài thực hành về rèn luyện kỹ năng sử dụng các công cụ địa lí trong SGK Địa lí 6 là:

Bài 4. Thực hành: Đọc bản đồ. Xác định vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ.

Bài 8. Xác định phương hướng ngoài thực địa.

Bài 12. Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản.

Bài 16. Thực hành: Đọc lược đồ khí hậu và biểu đồ nhiệt độ – lượng mưa.

Bài 20. Thực hành: Xác định trên lược đồ các đại dương thế giới.

+ *Thực hành khảo sát, viết báo cáo:* tạo cơ hội cho HS được trải nghiệm thực tế địa phương và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết nhiệm vụ học tập.

Các bài thực hành về rèn luyện kỹ năng khảo sát và viết báo địa lí trong SGK Địa lí 6 là:

Bài 23. Thực hành: Tìm hiểu lớp phủ thực vật ở địa phương.

Bài 26. Thực hành: Tìm hiểu tác động của con người lên môi trường tự nhiên trong sản xuất.

3.3. Khung phân phối chương trình phần Địa lí 6

Toàn bộ thời lượng của môn Lịch sử và Địa lí 6 là 105 tiết. Dự kiến Địa lí 53 tiết và Lịch sử 52 tiết.

Mặc dù trong Chương trình môn học chỉ gợi ý tỉ lệ phần trăm cho các mạch nội dung, nhưng để thuận lợi cho GV và các nhà trường trong triển khai công việc dạy học, dựa trên kinh nghiệm lên kế hoạch dạy học những năm qua, chúng tôi đưa ra kế hoạch dạy học như sau.

Phần Địa lí 6 gồm 45 tiết học kiến thức mới; 8 tiết ôn tập, kiểm tra, đánh giá giữa kì và cuối kì.

Học kì I: 22 tiết + 4 tiết ôn tập, kiểm tra = 26 tiết.

– Có thể tổ chức ôn tập giữa kì và kiểm tra viết (giữa kì) sau bài 6.

– Có thể tổ chức ôn tập học kì I và kiểm tra học kì I sau bài 12.

Học kì II: 23 tiết + 4 tiết ôn tập, kiểm tra = 27 tiết.

– Có thể tổ chức ôn tập giữa kì và kiểm tra viết (giữa kì) sau bài 18.

– Tổ chức ôn tập học kì II và kiểm tra học kì II sau bài 26.

Bảng đối chiếu nội dung Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, các bài trong sách giáo khoa và số tiết

Nội dung Chương trình	Bài trong SGK	Số tiết
TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ?	Bài mở đầu. TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ?	2
<ul style="list-style-type: none"> – Những khái niệm cơ bản và kỹ năng chủ yếu – Những điều lí thú khi học môn Địa lí – Địa lí và cuộc sống 	<ul style="list-style-type: none"> – Những câu hỏi chủ yếu khi học Địa lí – Những kỹ năng chủ yếu khi học Địa lí – Địa lí và cuộc sống 	
BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT	Chương 1. BẢN ĐỒ – PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT	6
<ul style="list-style-type: none"> – Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ – Các yếu tố cơ bản của bản đồ – Các loại bản đồ thông dụng – Lược đồ trí nhớ 	Bài 1. Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ Bài 2. Các yếu tố cơ bản của bản đồ Bài 3. Lược đồ trí nhớ Bài 4. Thực hành: Đọc bản đồ. Xác định vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ	1 3 1 1

TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI	Chương 2. TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH TRONG HỆ MẶT TRỜI	6
<ul style="list-style-type: none"> – Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời – Hình dạng, kích thước Trái Đất – Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí 	<p>Bài 5. Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Hình dạng và kích thước của Trái Đất</p> <p>Bài 6. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả địa lí</p> <p>Bài 7. Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và các hệ quả địa lí</p> <p>Bài 8. Xác định phương hướng ngoài thực địa</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>2</p> <p>1</p>
CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT	Chương 3. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT	8
<ul style="list-style-type: none"> – Cấu tạo của Trái Đất – Các mảng kiến tạo – Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này – Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi – Các dạng địa hình chính – Khoáng sản 	<p>Bài 9. Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo. Núi lửa và động đất</p> <p>Bài 10. Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi</p> <p>Bài 11. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản</p> <p>Bài 16. Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản</p>	<p>3</p> <p>1</p> <p>3</p> <p>1</p>
KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	Chương 4. KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	6
<ul style="list-style-type: none"> – Các tầng khí quyển. Thành phần không khí – Các khối khí. Khí áp và gió 	Bài 13. Khí quyển của Trái Đất. Các khối khí. Khí áp và gió	2
<ul style="list-style-type: none"> – Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu – Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó 	<p>Bài 14. Nhiệt độ và mưa. Thời tiết và khí hậu</p> <p>Bài 15. Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu</p> <p>Bài 16. Thực hành: Đọc lược đồ khí hậu và biểu đồ nhiệt độ – lượng mưa</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>1</p>

NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT	Chương 5. NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT	6
– Các thành phần chủ yếu của thủy quyển	Bài 17. Các thành phần chủ yếu của thủy quyển. Tuần hoàn nước trên Trái Đất	1
– Vòng tuần hoàn nước		
– Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ	Bài 18. Sông. Nước ngầm và băng hà	2
– Nước ngầm và băng hà		
– Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển	Bài 19. Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển	2
	Bài 20. Thực hành: Xác định trên lược đồ các đại dương thế giới	1
ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT	Chương 6. ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT	6
– Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất	Bài 21. Lớp đất trên Trái Đất	2
– Các nhân tố hình thành đất		
– Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất		
– Sự sống trên hành tinh	Bài 22. Sự đa dạng của thế giới sinh vật. Các đới thiên nhiên trên Trái Đất. Rừng nhiệt đới	3
– Sự phân bố các đới thiên nhiên		
– Rừng nhiệt đới	Bài 23. Thực hành: Tìm hiểu lớp phủ thực vật ở địa phương	1
CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN	Chương 7. CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN	5
– Dân số thế giới	Bài 24. Dân số thế giới. Sự phân bố dân cư thế giới. Các thành phố lớn trên thế giới	3
– Sự phân bố dân cư thế giới		
– Con người và thiên nhiên	Bài 25. Con người và thiên nhiên	1
– Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững	Bài 26. Thực hành: Tìm hiểu tác động của con người lên môi trường tự nhiên trong sản xuất	1

3.4. Yêu cầu về phương pháp dạy học

3.4.1. Định hướng chung

Đề tổ chức hoạt động học tập trong dạy học Địa lí 6 ở nhà trường THCS nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, GV cần chú trọng tới một số vấn đề về phương pháp giáo dục sau:

– Đề cao vai trò chủ thể học tập của HS, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, bồi dưỡng phương pháp học tập, năng lực tự học để HS có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hoá cần thiết cho bản thân.

– Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng HS và điều kiện cụ thể. Phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của HS với việc tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tiên tiến đề cao vai trò chủ thể học tập của HS (thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án,...). Đa dạng hoá và sử dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học: Kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, học ngoài thực địa, học theo dự án học tập,... Chú trọng các phương pháp dạy học có tính đặc trưng môn học.

– Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hợp lý và có hiệu quả các thiết bị dạy học như: bản đồ, lược đồ, sơ đồ, các bảng thống kê, video clip, các phiếu học tập có các nguồn học liệu, phần mềm dạy học,... nhằm minh hoạ bài giảng của GV và hỗ trợ các hoạt động học tập của HS.

3.4.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh

– Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu: thông qua nội dung môn học và các hoạt động thu thập, phân tích dữ liệu, tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa,... hình thành và bồi dưỡng ở HS nhận thức và tình cảm về mối quan hệ giữa xã hội và môi trường, về sự lựa chọn các con đường phát triển của các quốc gia, về đất nước và con người Việt Nam. Từ đó, hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất yêu nước, yêu quê hương, yêu thiên nhiên; ý thức, niềm tin và hành động trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, bảo vệ di sản văn hoá nhân loại; biết yêu quý người lao động, tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau, rèn luyện sự tự tin, trung thực, khách quan.

– Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học được hình thành, phát triển ở HS thông qua việc tự tổ chức, quản lý các hoạt động học tập; tự tìm kiếm, tổ chức và phân tích nguồn thông tin, tri thức bổ sung; đặt và trả lời các câu hỏi địa lí; thực hiện những nhiệm vụ được phân công khi tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa và trong các tình huống làm việc độc lập khác.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác được hình thành và phát triển ở HS thông qua việc thực hiện và phối hợp cùng các thành viên khác trong nhóm, trong lớp thực hiện những nhiệm vụ được phân công, thảo luận, nghiên cứu, tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa,...

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo được hình thành, phát triển ở HS qua việc thực hiện các hoạt động học tập tích cực như: nghiên cứu tài liệu, thu thập và phân tích tư liệu, làm dự án nghiên cứu, thuyết trình, tranh luận,...

3.4.3. Định hướng về phương pháp hình thành và phát triển năng lực địa lí

Để hình thành, phát triển năng lực địa lí cho HS, GV lựa chọn các kiến thức thực tế tiêu biểu, sử dụng hiệu quả các phương tiện trực quan như mô hình, bản đồ, video clip,... để hình thành các biểu tượng địa lí; hướng dẫn HS học từ thấp đến cao về các mối liên hệ và quan hệ nhân quả diễn ra trong thiên nhiên, trong xã hội và trong mối quan hệ giữa xã hội, con người và môi trường.

Để hình thành, phát triển năng lực địa lí cho HS, GV hướng dẫn HS tham gia vào quá trình tìm kiếm, sắp xếp, phân tích thông tin bằng cách khai thác tri thức từ các nguồn tư liệu bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu,... kết hợp với quan sát thực địa; chú trọng phát triển tư duy không gian, với các câu hỏi: “*Cái gì?*”, “*Ở đâu?*”, “*Như thế nào?*”, “*Tại sao?*”: khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của HS đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, thái độ tích cực đối với phát triển bền vững; rèn luyện khả năng và thói quen liên hệ với thực tế địa phương, đất nước để phát triển tư duy địa lí;...

Một trong những biện pháp quan trọng nhất để học địa lí là rèn luyện kỹ năng sử dụng các công cụ học tập như: bản đồ, atlas, biểu đồ, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh, video clip, tra cứu các tài liệu đa phương thức, sách e-book và một số ứng dụng trong điện thoại thông minh như la bàn, bản đồ chỉ đường, hệ thống định vị toàn cầu, nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế,...

Các hình thức tổ chức dạy học cũng cần được đa dạng hoá: kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, trên thực địa, học theo dự án học tập,...

3.4.4. Cách thức tổ chức dạy học Địa lí 6 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực

Lựa chọn cách thức tổ chức các hoạt động học tập, chiến lược dạy học như thế nào để đạt được mục tiêu là một nhiệm vụ rất quan trọng của GV. Trong dạy học Địa lí, đó là các quá trình tổ chức cho HS tìm hiểu về các quá trình tự nhiên, kinh tế – xã hội diễn ra trong không gian và thời gian; tìm hiểu về sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; là cách thức tổ chức cho HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học địa lí; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HS những phẩm chất cơ bản của người công dân thời đại mới, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của môi trường tự nhiên và nhân văn trên thế giới; khơi dậy ở HS ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào thực tế. Do vậy, để tổ chức hiệu quả các hoạt động dạy học phần Địa lí 6, GV cần phải quan tâm tới một số vấn đề sau:

Một là: GV phải xác định được rõ các mục tiêu bài học.

Mục tiêu của bài học còn gọi là yêu cầu cần đạt của bài học, là kết quả mong đợi của bài học. HS phải đạt được những gì về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực có thể hình thành và phát triển cho HS sau mỗi bài học. Xác định yêu cầu cần đạt/ mục tiêu bài học chính là xác định “đầu ra” của quá trình dạy học. Mục tiêu của bài học chính là “kim chỉ nam” định hướng cho việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS. Từ những yêu cầu cần đạt này,

GV có thể dễ dàng xác định xem bài học này góp phần phát triển cho HS những phẩm chất và năng lực nào.

Trong phần Địa lí 6, yêu cầu cần đạt về nội dung giáo dục liên quan đến bài học đã được thể hiện ở phần đầu của mỗi bài học. Các yêu cầu này là các yêu cầu đã được quy định trong Chương trình GDPT môn Lịch sử và Địa lí. Do vậy, GV có thể dựa vào đây để xác định mục tiêu của bài học, để định hướng các hoạt động cần tổ chức cho HS khi tìm hiểu về nội dung giáo dục đó.

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu ở Bài 15. Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu, GV cần tổ chức cho HS đạt được các yêu cầu cần đạt sau và đây cũng chính là mục tiêu của bài học.

Các yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục trong Bài 15:



Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.
- Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Việc đưa yêu cầu cần đạt vào trong các bài học Địa lí 6 là một trong những điểm mới của SGK Lịch sử và Địa lí 6. Thông qua các yêu cầu này, GV có thể xác định được mục tiêu của bài học, đích cần đến của HS để từ đó tìm cách tổ chức hoạt động học tập cho HS phù hợp.

Hai là: Xác định rõ nội dung các hoạt động và nhiệm vụ dạy học cần phải tổ chức cho HS trong mỗi bài học.

Trong dạy học theo định hướng hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, việc học tập của HS được thể hiện qua chuỗi các hoạt động dạy học. Cụ thể như: hoạt động mở đầu, hoạt động hình thành kiến thức mới, hoạt động luyện tập và vận dụng.

* Hoạt động mở bài

– Mục đích: Tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong SGK, các tài liệu học tập; làm bộc lộ “cái” HS đã biết, bỏ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra “cái” chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp HS suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập. Vì vậy, các câu hỏi/ nhiệm vụ trong các hoạt động này là những câu hỏi/ vấn đề mở, không cần có câu trả lời hoàn chỉnh. Kết thúc hoạt động này, GV không chốt về nội dung kiến thức mà chỉ giúp HS phát biểu được vấn đề để chuyển sang các hoạt động tiếp theo nhằm bổ sung những kiến thức, kĩ năng mới, qua đó tiếp tục hoàn thiện câu trả lời hoặc giải quyết được vấn đề.

– Phương thức thực hiện: Thông qua các câu hỏi/ tình huống có vấn đề để HS huy động kiến thức, kĩ năng có liên quan, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi gợi mở hoặc đưa ra ý kiến nhận xét về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiến thức sẽ học trong chủ đề bài học (bản đồ, dự đoán tình huống sẽ xảy ra, dự đoán câu trả lời,...). GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu hướng dẫn học; làm bộc lộ “cái” HS đã biết, bỏ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra “cái” chưa biết và muốn biết.

– Sản phẩm: Các câu hỏi nhận thức, dự đoán, giả sử/ giả thuyết liên quan đến chủ đề bài học mới, dự kiến kế hoạch học tập tiếp theo của HS. Các sản phẩm này chỉ được hình thành thông qua hoạt động học tập trên lớp của HS theo hướng dẫn của GV.

– Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:

+ Tình huống/ câu hỏi/ lệnh xuất phát nhằm huy động kiến thức/ kĩ năng/ kinh nghiệm sẵn có nào đó của HS (HS đã học kiến thức/ kĩ năng đó khi nào?).

+ Vận dụng kiến thức/ kĩ năng/ kinh nghiệm đã có đó thì HS có thể trả lời câu hỏi/ thực hiện lệnh đã nêu đến mức độ nào? Dự kiến các câu trả lời/ sản phẩm học tập mà HS có thể hoàn thành.

+ Để hoàn thiện câu trả lời/ sản phẩm học tập nói trên, HS cần vận dụng kiến thức/ kĩ năng mới nào sẽ học ở phần tiếp theo trong hoạt động hình thành kiến thức (có thể không phải là toàn bộ kiến thức/ kĩ năng mới trong bài).

Lưu ý: Khi xây dựng tình huống xuất phát phải gần gũi với đời sống mà HS dễ cảm nhận và đã có ít nhiều những quan niệm ban đầu về chúng. Việc xây dựng tình huống xuất phát cần phải chú ý tạo điều kiện cho HS kết nối giữa cái biết và cái chưa biết, hứng thú và mong tìm cái chưa biết.

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu về chủ đề *Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu* (Bài 15 – phần Địa lí), GV có thể sử dụng một trong các cách sau để tạo ra tình huống xuất phát cho HS.

Phương án 1: GV có thể sử dụng phần mở bài trong SGK.

“Con người đang chịu những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu do chính mình gây ra. Biến đổi khí hậu không phải là vấn đề riêng của mỗi quốc gia mà đã trở thành vấn đề toàn cầu”. Tại sao vấn đề biến đổi khí hậu lại đang trở thành vấn đề mang tính toàn cầu?

Phương án 2: GV có thể đưa ra tình huống thực tiễn sau: “Ki-li-man-ja-ro nằm ở đông bắc Tan-za-ni-a, gần biên giới Kê-ni-a với độ cao 5 895 m. Đỉnh núi này cách đường xích đạo về phía nam khoảng 3 vĩ độ, là một trong những ngọn núi đẹp nhất trên thế giới vì được phủ đầy tuyết trắng. Tuy nhiên, theo các nghiên cứu mới đây của các nhà khoa học, tuyết trên đỉnh Ki-li-man-ja-ro đã biến mất khoảng 82 % so với năm 1982 và dự đoán sẽ không có tuyết trong vòng hai thập kỉ nữa. Điều gì đã làm thay đổi cảnh quan của đỉnh núi Ki-li-man-ja-ro?”.

Phương án 3: GV có thể sử dụng kĩ thuật KWLH để đặt HS vào tình huống xuất phát.

Em đã biết những gì về biến đổi khí hậu? (K)	Em muốn biết thêm gì về biến đổi khí hậu? (W)	Em đã học được những gì về biến đổi khí hậu. (L)	Em có thể vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết những gì liên quan đến vấn đề biến đổi khí hậu? (H)

*** Hoạt động hình thành kiến thức mới**

– Mục đích: Hoạt động này giúp cho HS khám phá, hình thành kiến thức, phát triển kỹ năng mới theo yêu cầu cần đạt của bài. Thông qua các hoạt động học tập này, HS thay đổi những quan niệm sai, bổ sung những quan niệm chưa đầy đủ, phát hiện được kiến thức, kỹ năng mới theo yêu cầu cần đạt được đề cập đến trong bài học. Trong dạy học Địa lí 6 ở nhà trường THCS, hoạt động và các nhiệm vụ học tập của HS chủ yếu là các hoạt động tìm hiểu về các vấn đề địa lí đại cương như: Trái Đất, cấu tạo của Trái Đất, các quyển trên Trái Đất, con người trên Trái Đất,...

– Phương thức thực hiện: GV xác định các hoạt động học tập cần tổ chức cho HS để đạt được mục tiêu/ yêu cầu cần đạt của bài học. Sau đó, GV vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học để tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm chiếm lĩnh tri thức mới và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo địa lí.

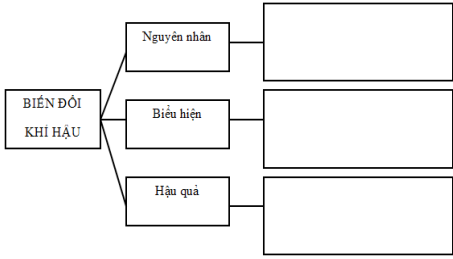
– Sản phẩm học tập: Các biểu tượng địa lí, khái niệm, các mối quan hệ,... của sự vật hiện tượng địa lí; các kỹ năng, kỹ xảo địa lí.

– Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:

+ Kiến thức, kỹ năng mới mà HS phải khám phá và chiếm lĩnh được của bài học là gì?

+ HS sẽ khám phá, chiếm lĩnh các kiến thức, kỹ năng đó bằng cách nào?

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu về chủ đề *Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu* (Bài 15 – Phần Địa lí 6), GV có thể thiết kế các nhiệm vụ học tập cho HS như sau:

Yêu cầu cần đạt	Hoạt động hình thành kiến thức mới	Nhiệm vụ học tập của HS
Yêu cầu 1: Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.	Hoạt động 1: Tìm hiểu các biểu hiện của biến đổi khí hậu.	<p>Đọc thông tin trong SGK mục Biến đổi khí hậu (kênh chính, kênh phụ) và trao đổi với bạn để hoàn thành sơ đồ sau:</p> 

<p>Yêu cầu 2: Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.</p>	<p>Hoạt động 2: Tìm hiểu về một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.</p>	<p>– Nhiệm vụ 1: Đọc thông tin trong SGK mục Phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu để cho biết thế nào là “<i>Phòng tránh thiên tai</i>” và thế nào là “<i>Ứng phó với biến đổi khí hậu</i>”?</p> <p>– Nhiệm vụ 2: Giả sử em là Trưởng ban phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, em sẽ đưa ra các biện pháp nào để phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu cho địa phương em đang sinh sống?</p>
--	---	---

*** Hoạt động luyện tập**

– Mục đích: Hoạt động này nhằm giúp HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học, đồng thời, đánh giá xem HS có đạt được mục tiêu bài học hay không.

– Phương thức thực hiện: GV tổ chức cho HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học. Ở hoạt động này, HS có thể hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

– Sản phẩm: Lời giải và kết quả giải các câu hỏi, bài tập/ tình huống.

– Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:

+ HS sẽ làm gì để vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học?

+ Xây dựng và sử dụng những câu hỏi và bài tập nào để tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết những nội dung liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học?

Ví dụ: Để tổ chức cho HS luyện tập sau khi học xong chủ đề Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu (Bài 15 – Phần Địa lí 6), GV có thể tổ chức cho HS trả lời câu 1 và câu 2 ở phần luyện tập trong SGK hoặc trả lời các câu hỏi trắc nghiệm ở Phụ lục 3 phần Kế hoạch bài dạy minh họa

*** Hoạt động vận dụng**

– Mục đích: Hoạt động này giúp cho HS vận dụng kiến thức, kỹ năng của bài học để giải quyết một tình huống thực tiễn nào đó, đồng thời, giúp HS tăng cường ý thức tự tìm hiểu, mở rộng kiến thức, năng lực nghiên cứu, sáng tạo trong ứng dụng kiến thức; thấy rõ giá trị của kiến thức đối với cuộc sống của bản thân và cộng đồng; hứng thú với các hoạt động tìm hiểu tự nhiên và xã hội,...

– Phương thức thực hiện: HS vận dụng tri thức của bản thân, bao gồm: những kiến thức, kỹ năng (vừa được lĩnh hội), kinh nghiệm của bản thân trong nhiều tình huống khác nhau

và tương tự để giải các bài tập/ tình huống mô phỏng thực tế cuộc sống trong và ngoài nhà trường hoặc nêu phương án giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

– Sản phẩm: Sản phẩm thực hành, câu trả lời, lời giải và kết quả giải các bài tập/ tình huống, bản báo cáo, sản phẩm nghiên cứu của HS, các tư liệu, sản phẩm được HS sưu tầm, trích dẫn,... được trưng bày, báo cáo, thuyết trình.

– Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:

+ Cần tạo ra tình huống thực tiễn nào để HS có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng của bài học để giải quyết?

+ Cần thay đổi gì trong hành vi, thái độ của bản thân HS?

Ví dụ: Để tổ chức hoạt động Vận dụng sau khi học xong chủ đề *Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu* (Bài 15 – phần Địa lí 6), GV có thể tổ chức cho HS chọn một trong hai nhiệm vụ (câu 3 hoặc câu 4) ở phần Vận dụng trong SGK.

3.5. Vấn đề đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học phần Địa lí 6

Để tổ chức đánh giá kết quả học tập của HS trong dạy học Địa lí 6. GV cần phải chú trọng một số vấn đề sau:

– Việc đánh giá kết quả giáo dục phải căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù địa lí được quy định trong Chương trình tổng thể và chương trình GDPT năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí 6. Cần lưu ý là các phẩm chất và năng lực này được hình thành, củng cố và phát triển theo lộ trình, nên trong khi đánh giá, cần xác định rõ HS đã/ đang đứng ở đâu trong lộ trình đạt tới các kết quả đầu ra kì vọng, và GV cần phải hành động như thế nào để cải thiện thành tích học tập của HS. Như vậy là cần chú trọng cả đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, trong đó hết sức coi trọng việc đánh giá quá trình.

– Về nội dung đánh giá, bên cạnh nội dung lí thuyết, cần tăng cường đánh giá các kỹ năng của HS như: làm việc với bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức địa lí làm trung tâm của việc đánh giá.

– Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả HS bằng các hình thức khác nhau. Tạo điều kiện để HS được tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

– Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của HS.

Để đáp ứng các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập của HS như trên, phần Địa lí 6 đã tăng cường hệ thống các câu hỏi trong phần hình thành kiến thức mới, phần luyện tập và vận dụng. Do vậy GV nên sử dụng các câu hỏi đó để tổ chức đánh giá kết quả học tập thường

xuyên cho HS. Đồng thời, khi tổ chức các hoạt động học tập, GV nên đa dạng các hình thức và công cụ đánh giá để tạo cơ hội cho HS tham gia vào quá trình tự đánh giá. GV có thể thiết kế bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí,... để tổ chức đánh giá sản phẩm học tập cho HS. Chẳng hạn, Sau khi HS hoàn thành xong sơ đồ tìm hiểu về biến đổi khí hậu, GV có thể thiết kế bảng kiểm sau để tổ chức cho HS tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đẳng sản phẩm học tập của nhóm/ nhóm bạn.

Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Có/ Không
1. Nội dung thể hiện trên sơ đồ	Có chỉ ra được biểu hiện chính của biến đổi khí hậu hiện nay là nhiệt độ trung bình của Trái Đất đang tăng lên không?	
	Có chỉ ra được nguyên nhân chính gây ra biến đổi khí hậu là do các hoạt động của con người như chặt phá rừng, sử dụng nhiều nhiên liệu hoá thạch,... không?	
	Có nêu được một số hậu quả của biến đổi khí hậu như: băng tan, nước biển dâng, thiên tai xảy ra thường xuyên đột ngột và thất thường,... không?	
2. Hình thức của sơ đồ	Sơ đồ có trình bày rõ ràng, dễ đọc và sạch đẹp không?	
3. Thời gian hoàn thành sản phẩm học tập	Hoàn thành sản phẩm học tập có đúng theo thời gian quy định hoặc sớm hơn không?	

4. Giới thiệu chung về hệ thống tài liệu tham khảo hỗ trợ

- Sách giáo viên.
- Sách bài tập.
- Sách bổ trợ và sách tham khảo thiết yếu của môn học.
- Thiết bị dạy học bộ môn: bộ thiết bị dạy học Cánh Diều và hướng dẫn cách khai thác trong dạy học.
- Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử (SGK phiên bản điện tử, video minh hoạ tiết học, bài tập tương tác phục vụ kiểm tra, đánh giá,...).



B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ

BÀI 15. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được các yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.
- Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Về năng lực

– Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Sơ đồ hoá để mô tả về hiện tượng biến đổi khí hậu (nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả).

– Năng lực tìm hiểu địa lí: Tìm được nội dung địa lí trong tài liệu văn bản về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức đã học để đưa thông điệp cho người dân địa phương về lối sống thân thiện với môi trường hoặc đưa ra các biện pháp mà HS có thể thực hiện để phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

– Năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) thông qua việc HS độc lập khai thác thông tin, làm việc với tư liệu học tập và thảo luận nhóm để giải quyết các nhiệm vụ học tập, các tình huống có vấn đề đặt ra trong bài học.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần hình thành cho HS các phẩm chất như: phẩm chất nhân ái (tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng), phẩm chất trách nhiệm (có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu),...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK Lịch sử và Địa lí 6 (Bộ sách Cánh diều).
- Phiếu học tập.

IV. GỢI Ý VỀ TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

a. *Mục tiêu:* Xác định được vấn đề cần giải quyết liên quan đến bài học.

b. *Nội dung:* HS đưa ra ý kiến cá nhân về nhận định trong phần mở đầu “Con người đang chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu do chính mình gây ra. Biến đổi khí hậu không phải là vấn đề riêng của mỗi quốc gia mà đã trở thành vấn đề toàn cầu”. Biến đổi khí hậu là gì? Tại sao biến đổi khí hậu lại đang trở thành vấn đề mang tính toàn cầu?

c. *Sản phẩm:* Các ý kiến của HS lí giải về tại sao vấn đề biến đổi khí hậu lại đang trở thành vấn đề mang tính toàn cầu.

d. *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: GV tổ chức cho HS đưa ra ý kiến cá nhân về nhận định: “Con người đang chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu do chính mình gây ra. Biến đổi khí hậu không phải là vấn đề riêng của mỗi quốc gia mà đã trở thành vấn đề toàn cầu”. Biến đổi khí hậu là gì? Tại sao biến đổi khí hậu lại đang trở thành vấn đề mang tính toàn cầu?

Bước 2: HS làm việc cá nhân, trao đổi với bạn để đưa ra ý kiến về nhận định.

Bước 3: GV gọi đại diện một số HS phát biểu ý kiến.

Bước 4: GV tổng hợp các ý kiến của HS và kết nối vào bài học.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1. Tìm hiểu về một số biểu hiện của biến đổi khí hậu

a. *Mục tiêu:* Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.

b. *Nội dung:* HS đọc thông tin trong SGK mục *Biến đổi khí hậu* và trao đổi với bạn để thực hiện các nhiệm vụ trong Phiếu học tập (phụ lục 1).

c. *Sản phẩm:* Phụ lục 2.

d. *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm (4 – 6 HS) để thực hiện các nhiệm vụ ở Phiếu học tập (Phụ lục 1).

Bước 2: Các nhóm thảo luận trao đổi để hoàn thành Phiếu học tập.

Bước 3: GV gọi đại diện 1 nhóm trình bày sản phẩm học tập. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét kết quả sản phẩm học tập của các nhóm và chính xác hoá nội dung học tập (Phụ lục 2).

Hoạt động 2. Tìm hiểu về một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

a. *Mục tiêu:* Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b. *Nội dung:* HS đóng vai là Trưởng ban phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu để đưa ra các biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương em.

c. *Sản phẩm:* Một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

d. *Tổ chức thực hiện:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Nhiệm vụ 1: Đọc thông tin trong SGK mục Phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu để cho biết thế nào là “Phòng tránh thiên tai” và thế nào là “Ứng phó với biến đổi khí hậu”?

+ Nhiệm vụ 2: Giả sử em là Trưởng ban phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, em sẽ đưa ra các biện pháp nào để phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu cho địa phương em đang sinh sống.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

– Bước 3: GV gọi đại diện một số HS đưa ra các ý kiến của cá nhân.

– Bước 4: GV tổng kết các ý kiến của HS và chính xác hoá nội dung học tập.

NỘI DUNG HỌC TẬP

– Biện pháp phòng tránh thiên tai: theo dõi dự báo thời tiết, diễn tập phòng chống thiên tai, sơ tán người và tài sản ra khỏi vùng nguy hiểm, thay đổi đổi mùa vụ,...

– Biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu: tiết kiệm điện, trồng cây xanh,...

3. Luyện tập

a. *Mục tiêu:* HS vận dụng được kiến thức liên quan đến bài học về biến đổi khí hậu, biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b. *Nội dung:* HS trả lời câu 1 và câu 2 ở phần luyện tập trong SGK hoặc trả lời các câu hỏi trắc nghiệm ở Phụ lục 3.

c. *Sản phẩm:*

– Câu trả lời của HS về các câu hỏi trên.

– Đáp án trả lời các câu hỏi trắc nghiệm là: câu 1 – C, câu 2 – B, câu 3 – D, câu 4 – A, câu 5 – B.

d. *Tổ chức thực hiện:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi ở Mục b.

– Bước 2: GV gọi đại diện HS đưa ra các phương án trả lời. Các HS khác nhận xét hoặc đưa ra các phương án trả lời khác.

– Bước 3: GV nhận xét bài làm của HS và chính xác hoá các phương án trả lời.

– Bước 4: GV củng cố và nhắc lại các yêu cầu cần đạt của bài học cho HS.

4. Hoạt động vận dụng

a. *Mục tiêu:* Vận dụng, kết nối được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống trong thực tiễn liên quan đến bài học.

b. *Nội dung:* HS chọn một trong hai nhiệm vụ (câu 3 hoặc câu 4) ở phần vận dụng trong SGK để thực hiện.

c. *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS cho câu 3 hoặc câu 4 ở phần vận dụng trong SGK để thực hiện.

d. *Tổ chức thực hiện:*

– Bước 1: GV nêu tình huống vận dụng cho HS.

– Bước 2: HS lựa chọn và đưa ra ý kiến của cá nhân về các biện pháp HS có thể làm để phòng tránh thiên tai và biến đổi khí hậu hoặc đưa ra thông điệp và ý nghĩa của thông điệp cho người dân địa phương về lối sống thân thiện với môi trường.

– Bước 3: GV gọi đại diện một số HS chia sẻ và trình bày sản phẩm học tập.

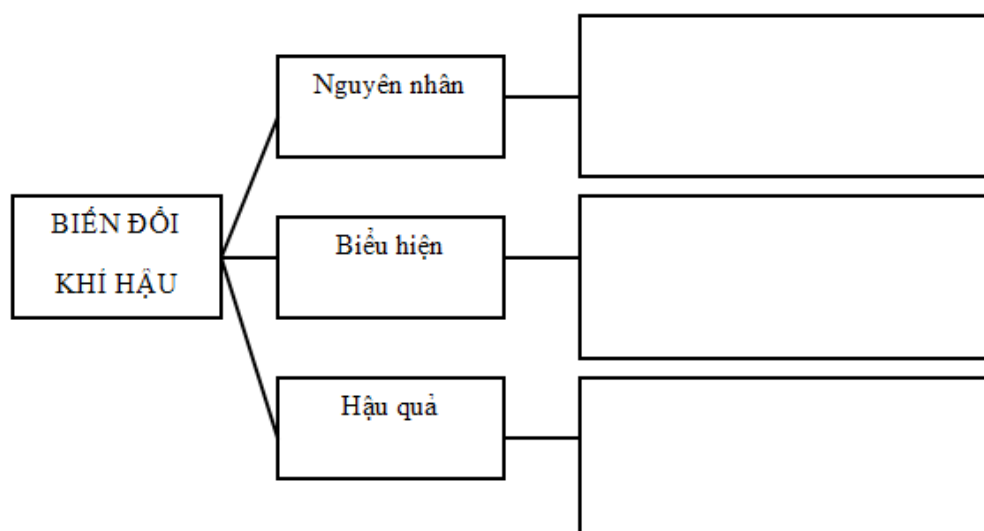
– Bước 4: GV tổng hợp, nhận xét các sản phẩm học tập của HS.

PHỤ LỤC 1:

Thành viên:

Nhiệm vụ (7 phút): Dựa vào thông tin mục Biến đổi khí hậu – Bài 15 và thảo luận theo nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập sau:

1. Hoàn thành nội dung cho sơ đồ sau:

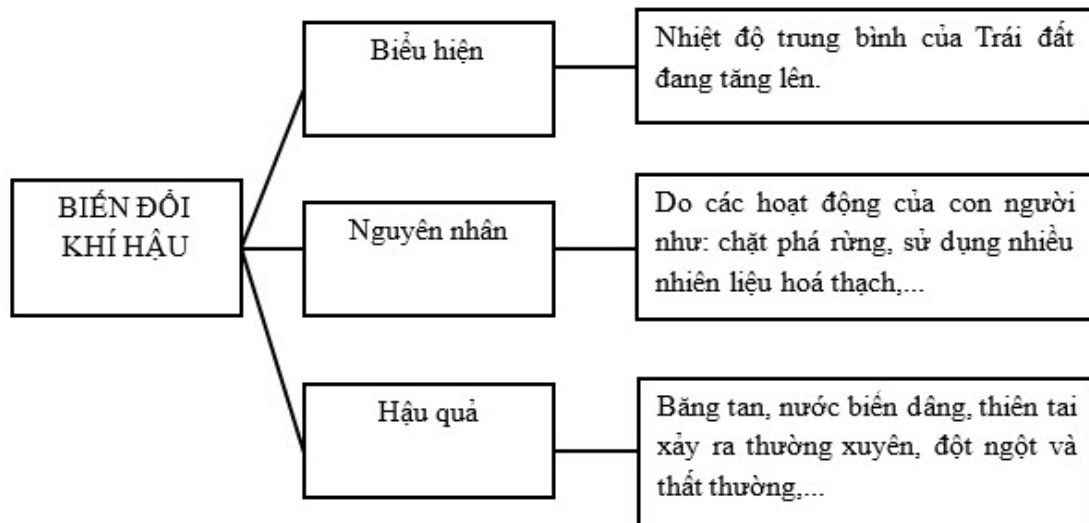


2. Tại sao nói Việt Nam sẽ là quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi?

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 2:**PHỤ LỤC 3:****CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

Câu 1. Biến đổi khí hậu là những thay đổi của khí hậu

- A. trong thời gian ngắn ở một địa điểm nhất định.
- B. trên Trái Đất giữa năm này so với năm khác.
- C. vượt ra khỏi trạng thái trung bình đã được duy trì trong thời gian dài.
- D. về nhiệt độ và lượng mưa giữa Bán cầu Bắc và Bán cầu Nam.

Câu 2. Biểu hiện biến đổi khí hậu trên Trái Đất hiện nay là nhiệt độ trung bình của Trái Đất

- A. đang giảm đi.
- B. đang tăng lên.
- C. tăng giảm thất thường.
- D. có sự khác nhau giữa các khu vực.

Câu 3. Hậu quả nào sau đây **không phải** do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu gây ra?

- A. Băng tan.
- B. Nước biển dâng.
- C. Thiên tai xảy ra thất thường.
- D. Ô nhiễm không khí.

Câu 4. Biện pháp nào sau đây **không phải** là biện pháp cần thực hiện trước khi xảy ra thiên tai?

- A. Hạn chế di chuyển.
- B. Diễn tập phòng chống thiên tai.
- C. Theo dõi bản tin dự báo thời tiết hằng ngày.
- D. Sơ tán người dân ra khỏi vùng thiên tai.

Câu 5. Biện pháp nào sau đây là hoạt động của con người nhằm thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu?

- A. Diễn tập phòng chống thiên tai.
- B. Tiết kiệm điện, giảm thiểu chất thải.
- C. Theo dõi bản tin dự báo thời tiết hằng ngày.
- D. Sơ tán kịp thời người dân ra khỏi vùng thiên tai.



C. GỢI Ý

BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Thời gian: 45 phút

I. MỤC TIÊU

– Nhằm đánh giá kết quả học tập của HS sau một giai đoạn học tập (giữa kì II), xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS so với yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình GDPT môn Lịch Sử và Địa lí.

– Kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của HS để hướng dẫn, giúp đỡ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của HS; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục.

II. ĐẶC TẢ MA TRẬN

Đặc tả ma trận đề kiểm tra giữa kì II – phần Địa lí 6

Bài	Nội dung kiến thức	Thời lượng, tỉ lệ %	Yêu cầu cần đạt về mức độ kiến thức/ kĩ năng	Số câu theo mức độ nhận thức		
				Biết	Hiểu	Vận dụng
Bài 13. Khí quyển của Trái Đất. Các khối khí. Khí áp và gió	– Các tầng khí quyển – Thành phần không khí	6 tiết (70 %)	– Biết: + Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí. + Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu. + Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu.	5 TN		

<p>Bài 14. Nhiệt độ và mưa. Thời tiết và khí hậu</p> <p>Bài 15. Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu</p> <p>Bài 16. Thực hành: Đọc lược đồ khí hậu và biểu đồ nhiệt độ – lượng mưa</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Các khối khí – Khí áp và gió – Nhiệt độ và mưa – Thời tiết và khí hậu – Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó 	<ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. 			
		<ul style="list-style-type: none"> – Hiểu: + Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu. + Trình bày được vai trò của o-xy, hơi nước và khí cac-bo-nic. + Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. + Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. + Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa. + Phân biệt được thời tiết và khí hậu. 		3 TN	
		<ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng: + Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa. + Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới. + Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế. 			1 TL

Bài 17. Các thành phần chủ yếu của thủy quyển. Tuần hoàn nước trên Trái Đất	– Các thành phần chủ yếu của thủy quyển – Vòng tuần hoàn nước – Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ – Nước ngầm và băng hà	3 tiết (30 %)	– Biết: + Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển. + Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ. + Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.	3 TN		
Bài 18. Sông. Nước ngầm và băng hà			– Hiểu: + Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước. + Mô tả được mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.		3 TN	
Tổng		15 câu		8 TN	6 TN	1 TL
Tỉ lệ %		100 %		40 %	30 %	30 %

III. GỢI Ý ĐỀ KIỂM TRA

Trường:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 – PHẦN ĐỊA LÍ
(Thời gian: 45 phút)

Phần I. Trắc nghiệm (7,0 điểm)

I. Khoanh tròn vào phương án đúng.

Câu 1. Phát biểu nào sau đây **không đúng** về đặc điểm khí hậu của đới nóng?

- A. Nằm trong phạm vi từ 23°27'N đến 23°27'B.
- B. Có lượng nhiệt hấp thụ tương đối nhiều, quanh năm nóng.
- C. Gió thường xuyên thổi ở khu vực này là gió Tín phong.
- D. Lượng mưa trung bình rất thấp, thường dưới 500 mm.

Câu 2. Biểu hiện của biến đổi khí hậu trên Trái Đất hiện nay là

- A. nhiệt độ của Trái Đất đang giảm đi.
- B. nhiệt độ của Trái Đất đang tăng lên.
- C. nhiệt độ của Trái Đất tăng giảm thất thường.
- D. nhiệt độ của Trái Đất có sự khác nhau giữa các khu vực.

Câu 3. Biện pháp nào sau đây là hoạt động của con người nhằm thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu?

- A. Diễn tập phòng chống thiên tai.
- B. Tiết kiệm điện, giảm thiểu chất thải.
- C. Theo dõi bản tin dự báo thời tiết hằng ngày.
- D. Sơ tán kịp thời người dân ra khỏi vùng thiên tai.

Câu 4. Tầng nào sau đây của khí quyển có vai trò bảo vệ sự sống của Trái Đất?

- A. Tầng đối lưu.
- B. Tầng bình lưu.
- C. Tầng giữa.
- D. Tầng nhiệt.

Câu 5. Dựa vào bề mặt tiếp xúc, khối khí được chia ra

- A. khối khí xích đạo và khối khí cực.
- B. khối khí xích đạo và khối khí nhiệt đới.
- C. khối khí nhiệt đới và khối khí ôn đới.
- D. khối khí đại dương và khối khí lục địa.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây **không đúng** về thủy quyển?

- A. Thủy quyển là lớp nước trên bề mặt Trái Đất.
- B. Nước trên Trái Đất tồn tại ở các trạng thái lỏng, rắn và hơi.
- C. Nước trên Trái Đất chỉ được chứa ở biển, đại dương, sông và hồ.
- D. Lượng nước ngọt chiếm tỉ lệ rất ít và phân bố không đều trên lục địa.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng về đặc điểm phân bố mưa trên Trái đất?

- A. Lượng mưa trên Trái Đất phân bố tương đối đồng đều.
- B. Nơi có dòng biển lạnh đi qua đều là nơi có lượng mưa lớn.
- C. Mưa nhiều thường xảy ra ở những nơi sườn khuất gió.
- D. Những nơi nằm sâu trong lục địa thường có lượng mưa ít.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây đúng về thời tiết?

- A. Thời tiết là trạng thái khí quyển tại một địa điểm vào một thời điểm nhất định.
- B. Thời tiết thường diễn ra theo quy luật và mang tính đặc trưng của từng vùng.
- C. Thời tiết được xác định bằng các yếu tố khí tượng trung bình trong nhiều năm.
- D. Thời tiết thường không có sự thay đổi trong một thời gian ngắn và tương đối ổn định.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây **không đúng** về giá trị của sông, hồ?

- A. Cung cấp nước cho các nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.
- B. Là nơi phát triển đường giao thông thủy quan trọng
- C. Tạo ra nhiều cảnh quan có giá trị để phát triển du lịch.
- D. Sông ở vùng núi có giá trị xây dựng các nhà máy nhiệt điện.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây **không đúng** về vòng tuần hoàn nước trên Trái đất?

- A. Đại dương là nguồn cung cấp hơi nước lớn nhất cho vòng tuần hoàn nước.
- B. Nước trên Trái Đất không nằm yên tại chỗ mà luôn vận động từ nơi này đến nơi khác.
- C. Nước bốc hơi lên từ đại dương sẽ tạo thành mây, gây mưa và rơi xuống đất liền.
- D. Cuối cùng một phần nhỏ nước trong vòng tuần hoàn theo sông và nước ngầm đổ trở lại đại dương.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây **không đúng** về chế độ nước sông?

- A. Hầu hết các sông đều có mùa lũ và cạn.
- B. Nguồn cung cấp nước cho các con sông lớn chủ yếu là do mưa.
- C. Ở vùng ôn đới, mùa lũ của sông ngòi thường diễn ra vào mùa đông.
- D. Lũ thường gây ra nhiều thiệt hại nhưng cũng mang theo phù sa bồi đắp cho đồng bằng.

Câu 12. Những sông lớn và có chế độ nước tương đối rõ rệt thường do nguồn cung cấp nước nào sau đây?

- A. Mưa.
- B. Băng tan.
- C. Tuyết tan.
- D. Nước ngầm.

Câu 13. Nước ngọt trên Trái Đất tồn tại chủ yếu ở đâu?

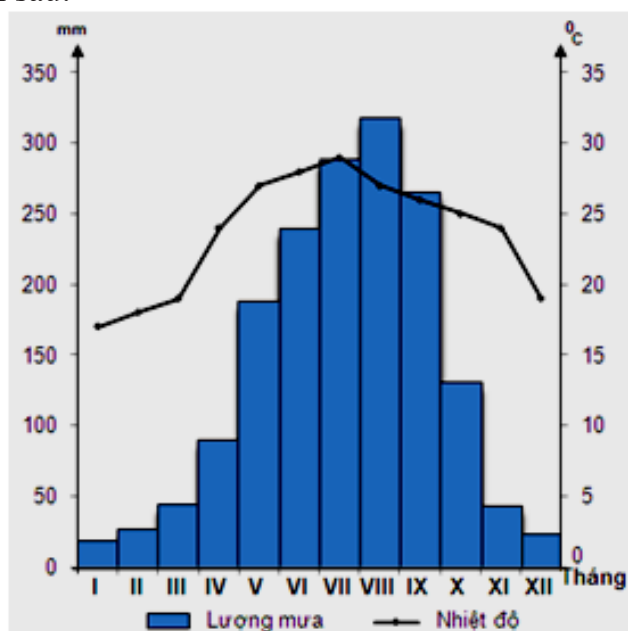
- A. Sông, hồ.
- B. Nước ngầm.
- C. Băng hà.
- D. Sinh vật.

Câu 14. Phát biểu nào sau đây đúng về đặc điểm của các khối khí?

- A. Khối khí đại dương có tính chất khô.
- B. Khối khí lục địa có tính chất ẩm.
- C. Khối khí ở cực có đặc điểm lạnh và khô.
- D. Khối khí được hình thành ở tầng bình lưu.

Phần II. Tự luận (3,0 điểm)

Cho hình sau:



Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của địa điểm A

1. Hãy nhận xét về chế độ nhiệt của địa điểm A.
2. Hãy nhận xét về chế độ mưa của địa điểm A.
3. Cho biết địa điểm A thuộc đới khí hậu nào? Vì sao?

III. HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Trắc nghiệm (7,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	D	B	B	B	D	C	D	A	D	D	D	A	C	C

Phần II. Tự luận (3,0 điểm)

- Ý 1 (1,25 điểm). Nhận xét về chế độ nhiệt:
 - + Nhiệt độ trung bình trên 20 °C.
 - + Tháng có nhiệt độ cao nhất: tháng 7.
 - + Tháng có nhiệt độ thấp nhất: tháng 1.
 - + Tháng có nhiệt độ trên 20 °C là: tháng 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11.
 - + Tháng có nhiệt độ dưới 20 °C là: tháng 1, 2, 3, 4, 12.
- Ý 2 (1,25 điểm). Nhận xét về chế độ mưa:
 - + Tháng nào cũng có mưa.
 - + Tháng có lượng mưa nhiều nhất: tháng 8.
 - + Tháng có lượng mưa ít nhất: tháng 1.
 - + Tháng có lượng mưa trên 100 mm là: tháng 5, 6, 7, 8, 9, 10.
 - + Tháng có lượng mưa nhỏ hơn 100 mm là: tháng 1, 2, 3, 4, 11, 12.
- Ý 3 (0,5 điểm). Xác định đới khí hậu và lí giải:
 - + Địa điểm A thuộc đới nóng.
 - + Vì điểm A có lượng mưa lớn và nóng quanh năm.

